

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS - ST

Ngày 17/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành.

Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hiệp

Bà Vũ Thị Nga

Bà Hoàng Thị Thu H8

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn H, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P, sinh năm 1962, con bà Trần Thị L, sinh năm 1970; có vợ chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 07/9/2023, bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và 4 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc Vũ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 năm tù. Ngày 05/7/2023, bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An, thành phố Hải Phòng khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử

dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bị tạm giữ ngày 06/3/2023 đến ngày 15/3/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Trích xuất có mặt)

2. Trần Ngọc H1, sinh năm 1983; Nơi cư trú tổ 1, phường QT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở số nhà 02, đường HCC, tổ 4, phường QT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Công chứng viên, Trưởng Văn Phòng công chứng Trần Ngọc H1; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1950 (là thương binh hạng 2/4), con bà Đào Thị Đ, sinh năm 1955; có vợ chị Hoàng Thị Tuyết N, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2023 (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn H: Luật sư **Phạm Hữu Giang** - Văn Phòng Luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số 371, đường THĐ, phường THĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

** Bị hại:*

- Anh **Vũ T1 A**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn TĐ, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ T1 A: Chị **Vũ Thị Y**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn TH, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn TĐ, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

- Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn TT, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn TT, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Vũ Đức H2**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Lê Công T1**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn YT, xã YT, huyện GL, thành phố Hà Nội. (có mặt)

- Anh **Vũ Văn H3**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 03/06, ngõ 456, đường LTT, tổ 01, phường THĐ, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Hoàng Đình K**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn LC, xã AD, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn TĐ, xã AM, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Anh **Nguyễn Việt H4**, sinh năm 1985 và chị **Nguyễn Thị H5**, sinh năm 1984; Điều trú tại: Tổ 2, thị trấn QC, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Nguyễn Khắc D1**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn T, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Phạm Ngọc H6**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 3, phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Chị **Lưu Thị D2**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn QC, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

- Anh **Phạm Văn D3**, sinh năm 1984 và chị **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1990; Điều trú tại: Thôn BN, xã DT, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Văn D3 và chị Nguyễn Thanh C: Luật sư **Hà Trọng Đại** và luật sư **Trần Ngọc Cảnh**, thuộc Công ty TNHH Hà Trọng Đại và cộng sự; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà B5-D6, ngõ 56 đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (Có mặt luật sư Cảnh, Vắng mặt luật sư Đại)

- Anh **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn LT, xã NK, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

- Chị **Nguyễn Thị Bích H7**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

- Anh **Nguyễn Huy P**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn T, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn T, xã AT, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (có mặt).

- Bà **Vũ Thị H8**, sinh năm 1948; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Chị **Đặng Thị A1**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn HD, xã MT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh **Vũ Văn B**, sinh năm 2004; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn CL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2023, Vũ Văn H gian dối thông qua việc mua bán quyền sử dụng đất, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mượn xe ô tô, thuê xe ô tô tự lái đem bán rồi chiếm đoạt; đặt trên mạng xã hội “Zalo” làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trần Ngọc H1 là Công chứng viên đã công chứng trái quy định 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể:

Lần thứ nhất: Tháng 10/2021, Vũ Văn H và anh Vũ T1 A, sinh năm 1995, trú tại thôn TĐ, xã AM, huyện QP (đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc) thường gọi điện, nhắn tin tâm sự. Qua trò chuyện, H biết năm 2021, anh Vũ T1 A gửi tiền về cho bố, mẹ mua được thửa đất số 882, tờ bản đồ số 04 tại thôn Khánh Mỹ, xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà trị giá 1.025.000.000 đồng và có ý định mua 01 thửa đất tại xã AT, huyện QP nên H nảy sinh lừa đảo chiếm đoạt đất và tiền của T1 A. H nói dối anh T1 A là có thửa đất số 484, tờ bản đồ số 13, diện tích 76,5m² tại thôn T, xã AT bán giá 1.600.000.000 đồng (thực tế thửa đất này là của chị Trần Thị Dịu, sinh năm 1982, trú tại thôn Tô Đê, xã AM). Anh Vũ T1 A trả lời không đủ tiền mua. Để thực hiện được hành vi lừa đảo của mình, H lại nói dối thửa đất tại thôn Khánh Mỹ, xã Phúc Khánh anh Vũ T1 A đã mua trước đó bán được với giá 1.150.000.000 đồng và chỉ cần đưa thêm cho H 450.000.000 đồng là mua được thửa đất tại thôn T, xã AT. Tin lời H, anh Vũ T1 A gọi điện cho chị gái là Vũ Thị Y, sinh năm 1990 và mẹ đẻ là bà Phạm Thị L, sinh năm 1967 trú tại xã AM, huyện QP nói là đã nhờ Vũ Văn H tìm mua hộ 01 thửa đất diện tích 76,5m² tại xã AT giá 1.600.000.000 đồng và làm thủ tục bán thửa đất tại xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà cho H, nhờ chị Y và bà L đưa thêm cho H 450.000.000 đồng. Bà L đi xem thửa đất tại xã AT, gia đình đồng ý mua. H dẫn anh Doãn Đức Bình, sinh năm 1995, Công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng Trần Thị Nhiều ở huyện Hưng Hà đến nhà bà L làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà mang tên vợ chồng bà Phạm Thị L sang tên Vũ Văn H. Sau đó, H sử dụng điện thoại vào ứng dụng Zalo đặt mua của người không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 484, tờ bản đồ số 13, diện tích 76,5m² tại thôn T, xã AT mang tên vợ chồng bà Phạm Thị L với giá 8.000.000 đồng. Tháng 12/2021, H nhờ anh Nguyễn Văn B, sinh năm 2004, trú tại tổ 4, thị trấn AB, huyện QP đến Bureau J&T ở xã An

Vũ, huyện QP nhận bưu phẩm bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên vợ chồng bà Phạm Thị L và nhờ anh B đem đến nhà giao cho bà L. Giao xong, H liên hệ yêu cầu anh Vũ T1 A chuyển 450.000.000 đồng, anh T1 A chuyển tiền cho H. Trong tháng này H bán thửa đất ở thôn Khánh Mỹ, xã Phúc Khánh cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Thuận, sinh năm 1989, trú tại xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên lấy 970.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Chị Vũ Thị Y giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất tại thôn T, xã AT mang tên vợ chồng bà Phạm Thị L.

Lần thứ 2, 3, 4, 5: Tháng 5/2022, ông Đào Công T, sinh năm 1968, trú tại thôn Tô Hồ, xã AM nhờ Vũ Văn H bán giúp thửa đất số 227, tờ bản đồ số 19, diện tích 324m², địa chỉ tại thôn Tô Xuyên, xã AM, huyện QP. Do có thông tin sơ đồ thửa đất trên, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền đặt cọc của người khác nên dùng máy vi tính tự vẽ sơ đồ, phân chia thửa đất thành hình 4 thửa đất nhỏ, đánh số thứ tự từ 01 đến 04 và đưa ra thông tin H đã mua thửa đất trên của vợ chồng ông Đào Công T, đang làm thủ tục tách thửa, đăng bán để người mua tin tưởng, đặt cọc tiền rồi chiếm đoạt.

Đầu tháng 5/2022, H thỏa thuận bán cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, trú tại thôn TT, xã AM thửa đất số 01 với giá 800.000.000 đồng và thỏa thuận bán cho anh Lê Công T1, sinh năm 1979, trú tại thôn YT, xã YT, huyện GL, thành phố Hà Nội thửa đất số 04 với giá 650.000.000 đồng. Ngày 05/5/2022, tại Văn phòng giao dịch bất động sản của H ở thôn T, xã AT, anh T đặt cọc 416.000.000 đồng; anh T1 đặt cọc 200.000.000 đồng. Giữa tháng 5/2022, H thỏa thuận bán cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại thôn TT, xã AM thửa đất số 02 với giá 800.000.000 đồng. Ngày 27/5/2022, tại Văn phòng giao dịch bất động sản của H, anh D đặt cọc 400.000.000 đồng. Tháng 7/2022, H thỏa thuận bán cho anh Vũ Đức H2, sinh năm 1984, trú tại thôn Đông, xã AT thửa đất số 03 với giá 550.000.000 đồng. Ngày 21/7/2022, tại Văn phòng giao dịch bất động sản của H, anh H2 đặt cọc cho H 100.000.000 đồng, H nhận tiền chi tiêu hết.

Lần thứ 6: Ngày 28/7/2022, Vũ Văn H gọi điện cho anh Vũ Văn H3, sinh năm 1989, trú tại số nhà 03/06, ngõ 456, đường Lê Thánh Tông, tổ 01, phường THĐ, thành phố TB nói dối hỏi thuê 01 xe ô tô MAZDA6, biển số 30A-738.48 trị giá 535.000.000 đồng, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Minh Phụng (vợ anh H3), thuê trong 07 ngày với giá 1.700.000 đồng/1 ngày và hẹn anh H3 giao xe tại xã AT, huyện QP. Khoảng 13 giờ ngày 28/7/2022, anh H3 mang xe ô tô đến Văn phòng giao dịch bất động sản của H tại xã AT giao xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe. H nhận xe rồi tự làm 01 giấy mua bán xe điền các thông tin họ tên chủ xe trong giấy đăng ký xe và ký tên vào mục người bán xe là Nguyễn Thị Minh Phụng. Sau đó, H gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000, trú tại thôn Cấp Lực, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng đến, nhờ anh T1 đi cầm cố

hộ xe ô tô. Ngày 30/7/2022, H và T1 đi xe ô tô đến nhà anh Nguyễn Khắc D1, sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã AT cầm cố xe lấy 150.000.000 đồng, H nhận tiền chi tiêu cá nhân hết. Ngày 04/8/2022, anh H3 liên lạc với H đòi lại xe ô tô và tiền thuê xe, H đã chuyển khoản trả anh H3 15.000.000 đồng và nói dôi thuê xe thêm thời gian nữa rồi tắt điện thoại để anh H3 không liên lạc được. Ngày 28/11/2022, anh Nguyễn Khắc D1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe ô tô MAZDA6, biển số 30A-738.48, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy mua bán xe mang tên Nguyễn Thị Minh Phượng.

Lần thứ 7: Đầu tháng 01/2023, H đến xưởng may trang phục ở xã ĐT, huyện QP hỏi mượn anh Hoàng Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn TĐ, xã AM 01 xe ô tô Hyundai i10, màu bạc, biển số 17A - 046.30 trị giá 165.000.000 đồng, anh T thuê của anh Hoàng Duy Ngân, sinh năm 1977, trú tại thôn Đào Động, xã An Lễ, huyện QP. Anh T đồng ý, giao xe ô tô cho H, bên trong xe ô tô có 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự xe ô tô. Ngay sau khi mượn được xe, H đã bán cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở thành phố Hà Nội lấy 90.000.000 đồng. Ngày 04/01/2023, anh Nguyễn Xuân Ninh, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Thắng Lợi, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bán xe ô tô trên cho chị Nguyễn Thị Bích H7, sinh năm 1970, trú tại thôn Đ, thị trấn TĐ, huyện BV, thành phố Hà Nội với giá 160.000.000 đồng cùng giấy tờ xe. Ngày 16/5/2023, chị Nguyễn Thị Bích H7 điều khiển chiếc xe ô tô đến Công an huyện QP để làm thủ tục sang tên bị Cơ quan điều tra Công an huyện QP quản lý.

Lần thứ 8: Khoảng 10 giờ ngày 06/01/2023, Vũ Văn H gọi điện cho anh Hoàng Đình K, sinh năm 1976, trú tại thôn LC, xã AD, huyện QP hỏi thuê 01 xe ô tô Hyundai i10, màu trắng, biển số 17A -153.26 trị giá 260.000.000 đồng, giá thuê 600.000 đồng/1 ngày, hẹn đầu giờ chiều đến lấy. Do H đang ở Quảng Ninh nên gọi điện nhờ anh Nguyễn Văn B, sinh năm 2004, trú tại tổ 4, thị trấn AB, huyện QP đến lấy xe hộ và cho số điện thoại của anh K để tự liên hệ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, anh B gọi điện cho anh K nói đến lấy hộ xe cho H, anh K đồng ý. Anh B đi lấy xe ô tô biển số 17A-153.26 đi về nhà anh B, đồng thời báo cho H biết đã lấy hộ xe, H đã chuyển cho anh B 3.000.000 đồng để anh B chuyển khoản trả tiền thuê xe anh K. Đến 19 giờ cùng ngày H sử dụng điện thoại vào mạng xã hội facebook liên hệ với một người đàn ông không quen biết thỏa thuận bán chiếc xe trên giá 40.000.000 đồng và hẹn 13 giờ ngày 07/01/2023 giao xe tại địa phận huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Trưa ngày 07/01/2023, H gọi điện nhờ anh B đi xe ô tô đến huyện Tứ Kỳ nhưng anh B bận không đi được nên H bảo anh B giao xe ô tô cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn TĐ, xã AM để H nhờ anh T đi xe ô tô đến huyện Tứ Kỳ giúp. Khoảng 12 giờ ngày 07/01/2023, anh T điều khiển xe ô tô biển số 17A-153.26 đến huyện Tứ Kỳ giao cho H, H giao cho người

đàn ông mua xe và chuyển khoản trả nợ anh T 40.000.000 đồng. Sau đó H đón xe khách đi Quảng Ninh, còn anh T về nhà. Ngày 20/4/2023, anh Nguyễn Xuân Đông, sinh năm 1979, trú tại thôn LT, xã NK, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QP giao nộp 01 xe ô tô biển số 17A-153.26, 01 giấy thể chấp xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự xe ô tô. Chiếc xe ô tô trên do anh Đ đổi chiếc xe ô tô Hyundai Accent biển số 83A -009.09 của mình lấy chiếc xe ô tô biển số 17A-153.26 của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ.

Lần thứ 9: Đầu tháng 01/2022, Vũ Văn H biết anh Lương Quốc Duy, sinh năm 1982 ở cùng thôn bán thửa đất số 246, tờ bản đồ số 18, diện tích 93,6m² ở tổ 11, thị trấn AB, huyện QP mang tên bà Vũ Thị H8, sinh năm 1948, trú tại tổ 11, thị trấn AB (anh Duy mua của bà H8 nhưng chưa làm thủ tục sang tên). H thỏa thuận mua của anh Duy với giá 790.000.000 đồng, H đặt cọc 50.000.000 đồng. Anh Duy cho H xem giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mang tên bà Vũ Thị H8. H sử dụng điện thoại di động của mình chụp ảnh lại. Sau đó, H giới thiệu bán thửa đất trên cho vợ chồng anh Phạm Văn D3, sinh năm 1984, chị Nguyễn Thanh C, sinh năm 1990, trú tại thôn BN, xã ĐT, huyện QP với giá 820.000.000 đồng, H nhận làm thủ tục sang tên vợ chồng anh D3.

Ngày 11/01/2022, sau khi thống nhất với anh Duy, H thuê Công chứng viên Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngân, địa chỉ số 109, tổ 10, đường Bùi Sỹ Tiêm, thị trấn ĐH, huyện ĐH đến nhà bà H8 công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho anh D3. Sau khi hoàn thành các thủ tục công chứng, anh D3 trả đủ tiền cho H và H đã trả anh Duy 740.000.000 đồng, cộng với 50.000.000 đồng đã đặt cọc trước thành 790.000.000 đồng. Anh Duy giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của bà H8 cho H để H làm thủ tục sang tên cho vợ chồng anh D3. Sau khi nhận hồ sơ từ anh Duy, H không làm mà giữ lại hồ sơ, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mang tên bà Vũ Thị H8); Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bản phô tô giấy tờ tùy thân, sổ hộ khẩu của các bên, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của vợ chồng anh D3 và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà H8. Tháng 4/2022, H gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất qua ứng dụng Zalo cho chị Trần Thị Dịu, sinh năm 1982, trú tại thôn Tô Đề, xã AM nhờ bán hộ thửa đất với giá 930.000.000 đồng. Chị Dịu nhờ Văn phòng kinh doanh bất động sản Bình Khiêm ở thị trấn AB, huyện QP của vợ, chồng chị Phạm Thị Lệ Thủy, sinh năm 1999, trú tại thôn Tô Đề, xã AM đăng bán thửa đất. Chị Thủy đăng bán thửa đất trên facebook với giá 1.020.000.000 đồng. Một thời gian sau, chị Lưu Thị D2, sinh năm 1986, trú tại tổ 01, thị trấn QC, huyện QP liên hệ để xem thửa đất, đồng thời rủ vợ chồng anh Nguyễn Việt H4, sinh năm 1985, chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1984, trú tại tổ 2, thị trấn QC, huyện QP mua chung. Sau khi xem thửa đất, chị D2 và vợ chồng anh H3nh thỏa thuận mua thửa

đất với giá 940.000.000 đồng và để vợ chồng anh H3nh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất. Ngày 23/4/2022, anh H3nh, chị D2 đến Văn phòng kinh doanh bất động sản của vợ chồng chị Thủy chuyển đặt cọc 50.000.000 đồng cho chị Dịu, chị Dịu chuyển tiền cho H và chuyển cho H thông tin căn cước của vợ chồng anh H3nh để làm thủ tục chuyển nhượng. Đầu tháng 5/2022, H liên lạc với anh Phạm Ngọc Hà, sinh năm 1984, trú tại tổ 03, phường HD, thành phố TB là nhân viên hợp đồng của Văn phòng công chứng Trần Ngọc H1, địa chỉ số nhà 17 đường Lê Lợi, tổ 01, phường Lê Hồng P, thành phố TB, gửi thông tin của bà Vũ Thị H8, vợ chồng anh H3nh và ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất gửi qua Zalo cho anh H6, yêu cầu Văn phòng công chứng soạn thảo sẵn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất và thực hiện công chứng hợp đồng ngoài trụ sở vì bà H8 chủ đất già yếu. H nhờ anh Phạm Đức Pha, sinh năm 1998, trú tại thôn TĐ, xã AM tìm một người phụ nữ trạc tuổi bà Vũ Thị H8 để ký giúp vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với lý do chủ đất bị ốm. Anh Pha nhờ anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã AT, huyện QP tìm, nhờ được bà Phạm Thị N, sinh năm 1952, trú tại thôn T, xã AT là họ hàng, đồng thời anh P nói với bà N chủ bán đất bị ốm đi bệnh viện không ký được giấy tờ đất, nhờ bà N ký hộ, H cũng nói với bà N có bà Vũ Thị H8 chủ đất bị ốm không đến được, nhờ bà N ký thay bà H8 vào giấy tờ, bà N không biết cụ thể thủ tục giấy tờ đất nên đồng ý. Sau đó, anh Phạm Ngọc H6 thông báo cho Công chứng viên Trần Ngọc H1 để thực hiện công chứng hợp đồng. H1 kiểm tra tài liệu và giao cho chị Đặng Thị A1, sinh năm 1998 là nhân viên, giúp H1 soạn thảo hợp đồng với nội dung bà Vũ Thị H8 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho vợ chồng anh Nguyễn Việt H4 với giá trị hợp đồng 350.000.000 đồng. Ngày 06/5/2022, Vũ Văn H liên hệ với anh Phạm Ngọc H6 chỉ đường cho anh H6 đến nhà anh P. Khoảng 13 giờ cùng ngày, anh H6 báo cáo với Trần Ngọc H1 biết, sắp xếp thời gian để đến xã AT, huyện QP công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng H1 bị Covid-19 nên không đi mà giao cho anh H6 mang 04 bản hợp đồng đến nhà anh Nguyễn Huy P gặp anh P, anh Pha, H, bà N. H giới thiệu với anh H6, bà N là bà Vũ Thị H8, anh H6 không kiểm tra thủ tục, tin tưởng người phụ nữ trên là bà Vũ Thị H8 nên lấy 04 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất đã soạn sẵn ra, H, anh H6 hướng dẫn bà N ký vào các trang của hợp đồng; ký ghi họ tên là Vũ Thị H8 vào mục “Bên A” và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng, xong việc H đưa cho anh H6 2.000.000 đồng và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc, bản phô tô chứng minh nhân dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Vũ Thị H8 cho anh H6 mang về. Ngày 09/5/2022, H dẫn vợ chồng anh Nguyễn Việt H4 đến Văn phòng công chứng Trần Ngọc H1; anh H6 đưa cho vợ chồng anh H3nh, chị H5 04 bản hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký, điểm chỉ ngày 06/5/2022 cho anh H3nh để vợ chồng anh H3nh ký tên vào hợp đồng. Sau khi vợ chồng anh H3nh ký vào 4 bản hợp đồng, công chứng viên Trần Ngọc H1 ghi lời chứng và thu

lệ phí 1.500.000 đồng rồi H1 đưa 04 hợp đồng cho anh H6 để làm thủ tục vào sổ, lưu hợp đồng và giao hợp đồng cho vợ chồng anh H3nh, anh H3nh thanh toán nốt 890.000.000 đồng cho H. Sau đó, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 455848 ngày 29/8/2022 mang tên vợ chồng anh Nguyễn Việt H4. Ngày 07/6/2023, Cơ quan điều tra khám xét Văn phòng công chứng Trần Ngọc H1 quản lý 01 máy vi tính để bàn dán nhãn hiệu Dell màu bạc đã cũ; ngày 01/6/2023 quản lý của anh Phạm Ngọc H6 01 điện thoại Vivo màu xanh đã cũ.

Tổng số tiền Vũ Văn H chiếm đoạt của 9 người là 4.491.000.000 đồng.

- Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hưng Hà, kết luận: “Trị giá quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 125 m² tại thửa đất số 882, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thôn Khánh Mỹ, xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, tại thời điểm tháng 11/2021 là 1.025.000.000 đồng”.

- Kết luận giám định số 616/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Giám đốc Nguyễn Xuân Khánh trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Giám đốc Nguyễn Xuân Khánh trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 không PH do cùng một người ký viết ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 so với hình dấu tròn có nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M11 không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

- Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 23/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TB, kết luận: “Trị giá tài sản (xe ô tô MAZDA 6, biển số 30A- 738.48) tại thời điểm ngày 21/11/2022 là 535 triệu đồng”.

- Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QP, kết luận: “Xe ô tô Hyundai i10 biển kiểm soát 17A - 046.30 tại thời điểm tháng 12/2022 trị giá 165.000.000 đồng”.

- Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QP, kết luận: “Xe ô tô Hyundai i10 biển kiểm soát 17A - 153.26 tại thời điểm ngày 06/01/2023 trị giá 260.000.000 đồng”.

- Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 15/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Chữ viết “Vũ Văn H” chữ ký mang tên

Vũ Văn H dưới các mục “Đại diện bên A (ký và ghi rõ họ tên)”, “Bên nhận đặt cọc (ký ghi rõ họ tên)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Văn H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra”.

- Kết luận giám định số 486/KL-GĐ-KTHS ngày 10/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “Dấu vân tay in dưới mục “Bên A” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với dấu vân tay in tại ô trống trên mẫu so sánh ký hiệu M là dấu vân tay của cùng một người”.

- Bản cáo trạng số 79/CT-VKSTB ngày 16 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Vũ Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Ngọc H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, bị cáo Trần Ngọc H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 16 năm đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Vũ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội và áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt 16 năm tù tại Bản án số 135/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo Vũ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn H.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị

cáo Trần Ngọc H1 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách đối với bị cáo từ 02 năm đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Ngọc H1 hành nghề công chứng viên trong thời hạn từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Trần Ngọc H1 bồi thường cho anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 số tiền 1.000.000.0000 đồng. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại như sau: Anh Vũ T1 A 1.475.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 416.000.000 đồng; anh Lê Công T1 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 415.000.000 đồng; anh Vũ Đức H2 100.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải trả lại anh Nguyễn Khắc D1 150.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã cũ của bị cáo Vũ Văn H; trả lại anh Phạm Ngọc H6 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đã cũ. Trả lại bị cáo Trần Ngọc H1 01 máy tính để bàn nhãn hiệu Dell màu bạc đã cũ.

Đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 và anh Phạm Thanh D3, chị Nguyễn Thanh C có quyền sử dụng thửa đất số 246 tờ bản đồ số 18 tại thị trấn AB, huyện QP theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Văn H và Trần Ngọc H1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã kết luận.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn H trình bày: Nhất trí với tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và điều luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H thành khẩn khai báo, bị cáo ra đầu thú đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

- Luật sư Trần Ngọc Cảnh trình bày: Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối với thửa đất 218 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H3nh, chị H5, xuất phát từ hành vi gian dối của bị cáo H và hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo H1, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2013 kiến nghị với Sở tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh H3nh, chị H5, giao dịch giữa bà H8 và anh D3, chị C là giao

dịch hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án để anh D3, chị C tiến hành làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Những người bị hại có mặt tại phiên tòa trình bày: Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung của cáo trạng. Những người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo còn chiếm đoạt của các bị hại.

- Bị hại anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho anh 400.000.000 đồng theo hợp đồng đặt cọc và 15.000.000 đồng anh D chuyển khoản thêm cho bị cáo. Bị cáo H nhất trí bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 415.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc D1 trình bày: Yêu cầu bị cáo Vũ Văn H trả lại cho anh số tiền 150.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Vũ Văn H: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đã gây ra và xin lỗi các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

- Bị cáo Trần Ngọc H1: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa cho bị cáo H trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

[2.1] Bị cáo Vũ Văn H khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 01/2023, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo thông qua hình thức lừa bán đất, mượn xe ô tô và thuê xe ô tô của người khác mang đi cầm cố, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền chiếm đoạt là 4.491.000.000 đồng. Quá trình phạm tội

lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã đặt người không rõ lai lịch làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Vũ T1 A.

[2.2] Bị cáo Trần Ngọc H1 khai: Bị cáo là công chứng viên, khi thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Vũ Thị H8 và anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 40, 48 Luật công chứng, cụ thể: Bị cáo không kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng, không trực tiếp kiểm tra giấy tờ tùy thân của bà Vũ Thị H8 nên không phát hiện được việc bà Phạm Thị N giả danh bà H8 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Toàn bộ quá trình công chứng bị cáo giao cho anh Phạm Ngọc H6 là nhân viên hợp đồng của Văn phòng công chứng thực hiện, trong khi anh H6 không có thẩm quyền. Bị cáo không thực hiện đúng quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 48 Luật Công chứng mà vẫn chứng thực hợp đồng nêu trên là thiếu trách nhiệm và là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H3nh, chị H5.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: B bản tiếp nhận Vũ Văn H ra đầu thú, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 08 giờ ngày 06/3/2023; B bản khám xét nơi làm việc của bị can Trần Ngọc H1, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QP lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/6/2023; Các Hợp đồng đặt cọc mua đất, Vũ Văn H nhận tiền của các anh Vũ Đức Hội, Lê Công T1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T; Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG ngày 02/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hưng Hà; Kết luận giám định số 616/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐGTS ngày 23/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TB; Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 19/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QP; Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện QP; Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 15/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 486/KL-GĐ-KTHS ngày 10/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2023, bị cáo Vũ Văn H gian dối thông qua việc mua bán quyền sử dụng đất, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; mượn xe ô tô, thuê xe ô tô đem bán, cầm cố chiếm đoạt 4.491.000.000 đồng của 09 người, gồm: anh Vũ

T1 A 1.475.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 416.000.000 đồng; anh Lê Công T1 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 400.000.000 đồng; anh Vũ Đức H2 100.000.000 đồng; anh Vũ Văn Huy 01 xe ô tô trị giá 535.000.000 đồng; anh Hoàng Văn T 01 ô tô trị giá 165.000.000 đồng; anh Hoàng Đình K 01 ô tô trị giá 260.000.000 đồng; anh Nguyễn Việt H4 940.000.000 đồng. Bị cáo H còn có hành vi và đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo bán quyền sử dụng đất cho anh Vũ T1 A. Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 09/5/2022, bị cáo Trần Ngọc H1 công chứng trái quy định 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 246, tờ bản đồ số 18, diện tích 93,6m² ở tổ 11, thị trấn AB, huyện QP mang tên bà Vũ Thị H8 chuyển nhượng cho vợ chồng anh Nguyễn Việt H4, trị giá hợp đồng 350.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Vũ Văn H là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ, làm mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc H1 là nghiêm trọng đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực công chứng, do không thực hiện đúng quy định của Luật Công chứng về kiểm tra, kiểm soát hồ sơ yêu cầu công chứng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý nên đã phạm vào tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

Điều 174: Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trường các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) ...

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

c) ...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

“1. Người nào có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao thuộc một trong các trường hợp sau đây nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 179, 308 và 376 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

a) ...

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

2 ...

4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Ngọc H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn H nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền rất lớn, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 2 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Vũ Văn H thành khẩn khai báo, bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản

1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Ngọc H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; có thành tích trong công tác được tặng giấy khen, bổ đề là thương binh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo H1 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Từ những nhận định trên, cần xử phạt bị cáo Vũ Văn H mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6.2] Bị cáo Trần Ngọc H1 phạm tội với lỗi vô ý do hành vi lừa đảo của bị cáo Vũ Văn H, bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện khả năng tự cải tạo, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Hình phạt bổ sung:

[7.1] Với hình thức chiếm đoạt tiền của các bị hại để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn H theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[7.2] Bị cáo Trần Ngọc H1 không thực hiện đúng trách nhiệm của công chứng viên nên cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề công chứng trong thời gian nhất định theo quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Bị cáo Trần Ngọc H1 đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 số tiền 1.000.000.000 đồng, bị cáo H1 không yêu cầu bị cáo Vũ Văn H phải thanh toán lại số tiền đã bồi thường cho anh H3nh, chị H5, vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Ngọc H1.

[8.2] Anh Vũ Văn Huy đã nhận lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30A-738.48; anh Hoàng Đình K đã nhận lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-153.26; anh Hoàng Văn T đã nhận lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17A-046.30, anh H3, anh K, anh T không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì.

[8.3] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn D khai anh đặt cọc cho bị cáo H số tiền 400.000.000 đồng và sau đó chuyển tiếp cho bị cáo 15.000.000 đồng, anh yêu cầu bị cáo H bồi thường cho anh số tiền 415.000.000 đồng, bị cáo H thừa nhận đã nhận của anh D 415.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều

584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho các bị hại số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại như sau: Anh Vũ T1 A 1.475.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T 416.000.000 đồng; anh Lê Công T1 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D 415.000.000 đồng; anh Vũ Đức Hội 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho các bị hại là: 2.606.000.000 đồng.

[8.4] Anh Nguyễn Khắc D1 không biết xe ô tô biển kiểm soát 30A-738.48 là do bị cáo H phạm tội mà có, anh D1 yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 150.000.000 đồng là tiền bị cáo H cầm cố chiếc xe ô tô trên, do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh D1, buộc bị cáo Vũ Văn H phải trả lại anh Nguyễn Khắc D1 số tiền 150.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Theo Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã cũ, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Chiếc điện thoại di động Vivo màu xanh đã cũ của anh Phạm Ngọc H6 và chiếc máy tính để bàn nhãn hiệu Dell màu bạc đã cũ của bị cáo H1 là tài sản không liên quan đến tội phạm cần trả lại anh H6 và bị cáo H1.

[10] Ngày 29/8/2022, anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 455848 đối với thửa đất số 246 tờ bản đồ số 18 tại thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình. Trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng từ bà Vũ Thị H8 sang anh H3nh, chị H5 đã bị làm giả nhưng vẫn được công chứng viên Trần Ngọc H1 chứng thực. Vì vậy, cần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 455848.

[11] Những nội dung khác liên quan đến vụ án:

[11.1] Đối với anh Nguyễn Khắc D1, sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã AT, huyện QP cầm cố chiếc xe ô tô MAZDA6, biển số 30A-738.48 và anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000, trú tại thôn Cấp Lực, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng được H nhờ mang chiếc xe đi cùng H đến cầm cố, anh D1, anh T1 không biết xe ô tô là do H phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11.2] Đối với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 2004, trú tại thị trấn AB, huyện QP được Vũ Văn H nhờ mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà giao cho bà Phạm Thị L và đến lấy hộ Vũ Văn H chiếc xe ô tô biển số 17A-153.26 của Hoàng Đình K, anh B không biết đó là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và không biết H lừa thuê xe ô tô đi bán nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11.3] Đối với anh Phạm Ngọc H6, sinh năm 1984, trú tại tổ 3, phường HĐ, thành phố TB, nhân viên Văn phòng công chứng Trần Ngọc H1, không phải là

Công chứng viên, không có thẩm quyền công chứng hợp đồng, anh H6 chỉ là người đem thủ tục cho người bán đất ký theo yêu cầu của Công chứng viên Trần Ngọc H1. Mặc khác anh H6 không biết bà N giả danh bà H8 ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên anh H6 không đồng phạm với bị can Trần Ngọc H1 nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11.4] Đối với anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1998 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952, đều trú tại thôn T, xã AT, huyện QP được anh Phạm Đức Pha, Vũ Văn Hải nhờ bà Phạm Thị N ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thay cho bà Vũ Thị H8, anh P, bà N không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11.5] Đối với anh Nguyễn Xuân Ninh, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Thắng Lợi, phường Dương Nội, quận H6 Đông, thành phố Hà Nội theo lời khai của chị Nguyễn Thị Bích H7, anh Ninh bán chiếc xe ô tô biển số 17A - 046.30 cho chị, hiện nay anh Ninh không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý là phù hợp.

[11.6] Đối với anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1979, trú tại thôn LT, xã NK, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đổi chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent của mình lấy chiếc xe ô tô biển số 17A - 153.26, anh Đ biết chiếc xe này đang thế chấp tại ngân hàng, không biết là tài sản do người khác phạm tội. Khi biết chiếc xe liên quan đến vụ án đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Vũ Văn H án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Bị cáo Trần Ngọc H1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, xử phạt bị cáo Vũ Văn H 20 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung với bản án số 135/2023/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo Vũ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/3/2023.

2.2. Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc H1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/01/2024. Cấm bị cáo Trần Ngọc H1 hành nghề công chứng viên trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường QT, thành phố TB, tỉnh Thái Bình quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở nên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho anh Vũ T1 A 1.475.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 416.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho anh Lê Công T1 200.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn D 415.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải bồi thường cho anh Vũ Đức H2 100.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn H phải trả lại anh Nguyễn Khắc D1 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen đã cũ của bị cáo Vũ Văn H; trả lại anh Phạm Ngọc H6 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu xanh đã cũ. Trả lại bị cáo Trần Ngọc H1 01 máy tính để bàn nhãn hiệu Dell màu bạc đã cũ.

Số vật chứng có đặc điểm như trong B bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 10/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

5. Kiến nghị với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 455848 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp cho anh Nguyễn Việt H4 và chị Nguyễn Thị H5 ngày 29/8/2022 đối với thửa đất số 246 tờ bản đồ số 18 tại thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái Bình.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 87.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Thành

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.